Thời Khóa Biểu Bộ Môn/Trung Tâm

Học Kỳ 1 - Năm Học 22 - 23

Hoạt động đào tạo Chính quy

Ngày bắt đầu học kỳ: 08/08/2022 (tuần 1)

Bộ Môn/Trung Tâm: Bộ môn Khoa học Cây trồng (NN4)

Lưu ý: mỗi kí tự trong dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả cho tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Stt	Thứ	CBGD	Tên CB	Mã MH	Mã NH	Tên môn học	Số tiết	Lớp	Sĩ số	Tiết học 1234567890123	Phòng	Tuần dạy 12345678901234567890
1	2	002797	Khương	NN134	01	Anh văn chuyên môn - KHCT	2	NN134111	19	12----------	306/C1	----------
2	2	000334	Phú	NN189	01	Cây ăn trái	3	NN189X81	50	123---------	102/NN	----------
3	2	002797	Khương	NN369	02	Cây lúa	2	NN369112	33	--34--------	305/D1	----------
4	2	000334	Phú	NN361	02	Cây ăn trái	2	NN361871	80	---45-------	301/DB	----------
5	2	000334	Phú	NN326	01	Khuyến nông	2	NN326111	59	-----67------	206/NN	----------
6	2	002260	Vân	NN362	01	Cây công nghiệp dài ngày	2	NN362111	28	-----67------	205/NN	----------
7	2	002797	Khương	NN369	01	Cây lúa	2	NN369111	70	-----67------	207/NN	----------
8	3	002260	Vân	NN185	01	Dinh dưỡng cây trồng	3	NN185001	33	123---------	204/D1	----------
9	3	002797	Khương	NN369	04	Cây lúa	2	NN369114	40	12----------	401/D2	----------
10	3	002797	Khương	NN186	01	Cây lúa	3	NN186X81	52	--345-------	102/KH	----------
11	3	001399	Danh	NS225	01	Anh văn chuyên ngành Nông học	2	NS225001	50	---45-------	109/NN	----------
12	3	002797	Khương	NN369	03	Cây lúa	2	NN369113	58	-----67------	201/B1	----------
13	3	001581	Dũng	NS200	01	Kỹ thuật IoTs và ứng dụng	2	NS200001	18	-----67------	204/D1	----------
14	4	002478	Tính	NN140	H01	Trồng trọt đại cương	4	21U7A5	57	-2345-------	104/HA	----------
15	5	002849	Minh	NS264	01	Nông nghiệp công nghệ cao	2	NS264S6	18	--34--------	401/D2	----------
16	5	002858	Nhí	NN361	01	Cây ăn trái	2	NN361111	80	---45-------	206/NN	----------
17	5	002260	Vân	NN377	01	Hệ thống canh tác	2	NN377111	101	---45-------	106/NN	----------
18	5	002858	Nhí	NN390	01	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2	NN390111	85	-----67------	303/MT	----------
19	5	002412	Hường	NN401	02	Xử lý ra hoa	2	NN401191	50	-----67------	102/NN	----------
20	5	002451	Thủy	NS416	01	Trồng cây không sử dụng đất	2	NS416001	28	-----67------	101/NN	----------
21	5	002345	Thúc	NN363	01	Cây công nghiệp ngắn ngày	2	NN363111	66	-------89----	210/B1	----------
22	5	001774	Tài	NN376	01	Dinh dưỡng cây trồng	2	NN376111	90	-------89----	206/NN	----------
23	5	002412	Hường	NN477	01	Cây dược liệu	2	NN477X81	21	-------89----	101/NN	----------

24	6	002451	Thủy	NN371	01	Cây rau	2	NN371111	59	12----------	109/NN	----------
25	6	002412	Hường	NN358	01	Bảo quản sau thu hoạch	2	NN358111	36	---45--------	104/NN	----------
26	6	001774	Tài	NN370	01	Cây màu	2	NN370111	50	---45--------	101/NN	----------
27	6	002451	Thủy	NN371	02	Cây rau	2	NN371X81	48	---45--------	102/NN	----------
28	6	002451	Thủy	NN380	01	Kỹ thuật sản xuất rau sạch	2	NN380111	40	-----67------	306/C1	----------
29	6	002431	Đông	NS198	01	Phương pháp nghiên cứu khoa học và thống kê phép thí nghiệm	2	NS198S61	30	-----67------	201/NN	----------
30	6	002451	Thủy	NN371	03	Cây rau	2	NN371113	30	-------89----	205/C1	----------
31	7	001774	Tài	NN376	02	Dinh dưỡng cây trồng	2	NN376191	80	12----------	105/NN	----------

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022